

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HỆ THỐNG CHUẨN MỤC KIỂM TOÁN**

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Kiểm toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **HỆ THỐNG CHUẨN MỤC KIỂM TOÁN**
 - + Tiếng Việt: Hệ thống Chuẩn mục kiểm toán
 - + Tiếng Anh: Auditing standards SyStem
- Mã học phần: DKT.02.14
- Đối tượng học: Sinh viên chính quy ngành Kiểm toán
- Số tín chỉ: 2 TC
- Vị trí của học phần trong CTĐT^[2]

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		<input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	

- Học phần tiên quyết^[3]: **Kiểm toán căn bản**
- Học phần học trước^[4]:
- Học phần song hành^[5]:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động^[6]: 100 giờ
 - + Nghe giảng lý thuyết, bài tập: 28 giờ
 - + Thực hành, thảo luận nhóm: 6 giờ
 - + Kiểm tra: 2 giờ
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm^[7]): 64 giờ
- Viện/Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Viện Kế toán – Kiểm toán
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: TS. Hoàng Văn Tường
Chức danh: Viện trưởng
Thông tin liên hệ: ĐT: 0982951768 ; Email: tuonghoangvanhvtc@gmail.com
 - 2) Họ và tên: ThS. Đậu Ngọc Châu
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0987605566 ; Email: daungocchauhvtc@gmail.com

2. Mô tả học phần^[8]

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức khái quát về hệ thống các chuẩn mực kiểm toán cơ bản và đề cập tới các quy định về tổ chức bộ máy kiểm toán và người làm kiểm toán, các quy định về hoạt động kiểm toán, quản lý Nhà nước về kiểm toán. Đây

là một học phần đóng vai trò nền tảng quan trọng và gắn bó mật thiết đối với các môn học kiểm toán, giúp người học có phương pháp tiếp cận và kiến thức cơ bản về hệ thống Chuẩn mực kiểm toán, từ đó áp dụng vào các môn học liên quan và thực tế.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần ^[9]	Mô tả mục tiêu học phần ^[10] Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, giúp người học tiếp tục học tập, nghiên cứu về ngành kiểm toán.
CSO 2.1	Rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, phân tích và vận dụng các chuẩn mực kiểm toán có liên quan đến công tác lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.
CSO 3.1	Người học thể hiện năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự định hướng, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; thể hiện nguyện vọng và ý chí không ngừng học hỏi vươn lên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần ^[9]	CĐR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CĐR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CĐR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Trình bày kiến thức cơ bản về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam bao gồm: sự cần thiết và lịch sử hình thành hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; những nội dung cơ bản của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, các chuẩn mực có liên quan đến lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.	PLO 1.3 PLO 1.4	3
<i>CĐR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	Rèn luyện và phát triển các kỹ năng chuyên sâu như kỹ năng phân tích dữ liệu nhằm xử lý và giải quyết các tình huống cụ thể, từ đó hình thành kỹ năng tư duy phản biện.	PLO 2.2	3
	CLO 2.2	Vận dụng các quy định trong hệ thống Chuẩn mực kiểm toán trong công tác kiểm toán, từ đó rèn luyện kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực	PLO 2.4	2

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
		tiền nghề nghiệp kiểm toán và cung cấp các dịch vụ đảm bảo.		
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Thể hiện năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; có năng lực dẫn dắt chuyên môn kiểm toán đã đào tạo, có sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc được giao; có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm.	PLO 3.1 PLO 3.2 PLO 3.3	3

Mức độ đóng góp:

1: Introduce (Giới thiệu) 2: Reinforce (Củng cố)

3: Master (Thành thạo)

5. Học liệu^[15]

5.1. Tài liệu chính:

[1] Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam

[2] Slide bài giảng của giảng viên

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Hệ thống chuẩn mực Kiểm toán quốc tế

<input checked="" type="checkbox"/>	Thuyết giảng	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ chức học tập theo nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>	Dự án/Đồ án
<input type="checkbox"/>	Semina	<input checked="" type="checkbox"/>	Giải quyết vấn đề	<input type="checkbox"/>	Thí nghiệm	<input type="checkbox"/>	Mô phỏng
<input type="checkbox"/>	Tiểu luận/Bài tập lớn	<input checked="" type="checkbox"/>	Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Thực tập	<input checked="" type="checkbox"/>	Tự học có hướng dẫn
<input type="checkbox"/>	Phương pháp khác						

7. Nội dung chi tiết học phần

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (tiết)				Tự học (tiết)	CĐR HP	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT	TL N, TH				
Buổi 1	<p>Chương 1: Tổng quan về chuẩn mực kiểm toán Việt nam</p> <p>1.1. Sự cần thiết và lịch sử hình thành chuẩn mực kiểm toán Việt nam</p> <p>1.1.1. Sự cần thiết của chuẩn mực kiểm toán</p> <p>1.1.2. Lịch sử hình thành chuẩn mực kiểm toán</p> <p>1.2. Nguyên tắc và quy trình xây dựng chuẩn mực kiểm toán</p> <p>1.2.1. Nguyên tắc xây dựng chuẩn mực kiểm toán</p> <p>1.2.2. Quy trình xây dựng chuẩn mực kiểm toán</p> <p>1.3. Khái quát về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>1.3.1. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt nam</p> <p>1.3.2. Phân loại hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Bài tập chương 1</p>	2	1			5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1	+ Giới thiệu đề cương chi tiết. + Thuyết giảng, Phát vấn	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 1.1 đến 1.3. (2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.</p>
Buổi 2	<p>Chương 2: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán</p> <p>2.1. Quy định chung và các nguyên tắc đạo đức cơ bản</p> <p>2.1.1. Quy định chung</p> <p>2.1.2. Các nguyên tắc đạo đức cơ bản</p>	2	1			5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1	Thuyết giảng, phát vấn, giải quyết vấn đề.	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 2.1 đến 2.2</p>

	<p>2.1.3. Các nguy cơ đe dọa việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức</p> <p>2.1.4. Các biện pháp phòng vệ</p> <p>2.2. Áp dụng các nguyên tắc đạo đức</p> <p>2.2.1. Áp dụng cho kiểm toán viên hành nghề</p> <p>2.2.2. Áp dụng cho kiểm toán viên chuyên nghiệp trong DN</p> <p>2.2.3. Một số tình huống cụ thể về nguy cơ và biện pháp phòng vệ</p> <p>Bài tập chương 2</p>								<p>(2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.</p>
Buổi 3	<p>Bài kiểm tra số 1 (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra)</p> <p>Chữa bài tập chương 1,2.</p>		2	1		5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1	Kiểm tra, đánh giá, Giải quyết vấn đề	<p>Ở nhà: (1) SV làm bài tập chương 1,2 và ôn tập cho bài kiểm tra lần 1.</p> <p>(2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV,</p>

									làm bài tập. Làm bài kiểm tra.
Buổi 4	<p>Chương 3: Chuẩn mực chung và chuẩn mực về lập kế hoạch kiểm toán</p> <p>3.1. Các chuẩn mực chung</p> <p>3.1.1. Mục tiêu tổng thể của KTV và DN kiểm toán khi kiểm toán theo CMKiT VN (VSA 200)</p> <p>3.1.2. Hợp đồng kiểm toán (VSA 210)</p> <p>3.1.3. Trách nhiệm của KTV & DNKT liên quan đến gian lận (VSA 240)</p> <p>3.1.4. Trách nhiệm của KTV & DNKT đối với hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định (VSA 250)</p>	2			1	6	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.11	Thuyết giảng, Phát vấn, Tổ chức học tập theo nhóm.	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 3.1.1 đến 3.1.4 (2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, tham gia thảo luận, thực hành theo nhóm.</p>
Buổi 5	<p>Chương 3: Chuẩn mực chung và chuẩn mực về lập kế hoạch kiểm toán</p> <p>3.2. Các chuẩn mực về lập kế hoạch kiểm toán</p>	2			1	6	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn, Tổ chức học tập theo nhóm.	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các</p>

	<p>3.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán (VSA 300)</p> <p>3.2.2. Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường của đơn vị (VSA 315)</p> <p>3.2.3. Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán (VSA 320)</p>							<p>mục từ 3.2.1 đến 3.2.3 (2)</p> <p>Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, tham gia thảo luận, thực hành theo nhóm.</p>
Buổi 6	<p>Chương 3: Chuẩn mực chung và chuẩn mực về lập kế hoạch kiểm toán</p> <p>3.2.4. Biện pháp xử lý của KTV đối với rủi ro đánh giá (VSA 330)</p> <p>3.2.5. Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài (VSA 402)</p> <p>Bài tập chương 3</p>	2	1			6	<p>CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1</p> <p>Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề.</p>	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 3.2.4 đến 3.2.5. (2)</p> <p>Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm</p>

								toán Việt Nam
								Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, làm bài tập.
Buổi 7	<p>Chương 4: Chuẩn mực về thực hiện kiểm toán</p> <p>4.1. Các chuẩn mực về bằng chứng kiểm toán</p> <p>4.1.1. Bằng chứng kiểm toán (VSA 500)</p> <p>4.1.2. Bằng chứng kiểm toán đối với các khoản mục, sự kiện đặc biệt (VSA 501)</p> <p>Chứa bài tập chương 3</p>	2	1			6	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề.
								Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 4.1.1 đến 4.1.3 và hoàn thiện bài tập chương 3. (2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam
								Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu

									hỏi GV, làm bài tập.
Buổi 8	<p>Chương 4: Chuẩn mực về thực hiện kiểm toán</p> <p>4.2. Các chuẩn mực về kỹ thuật kiểm toán</p> <p>4.2.1. Lấy mẫu kiểm toán (VSA 530)</p> <p>4.2.2. Thủ tục phân tích (VSA 520)</p> <p>4.3. Các chuẩn mực khác thuộc giai đoạn thực hiện kiểm toán</p> <p>4.3.1. Kiểm toán năm đầu tiên – số dư đầu kỳ (VSA 510)</p>	2			1	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn, Tổ chức học tập theo nhóm.	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 4.2 đến 4.3 (2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, tham gia thảo luận nhóm.</p>
Buổi 9	<p>Chương 4: Chuẩn mực về thực hiện kiểm toán</p> <p>4.3. Các chuẩn mực khác thuộc giai đoạn thực hiện kiểm toán</p> <p>4.3.2. Kiểm toán các ước tính Kiểm toán (VSA 540)</p> <p>4.3.3. Các bên liên quan (VSA 550)</p>	2	1			5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề.	<p>Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 4.3.2 đến 4.3.4</p>

	4.3.4 Các chuẩn mực liên quan khác Bài tập chương 4								(2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.
Buổi 10	Bài kiểm tra số 2 (Các kiến thức đã học đến thời điểm kiểm tra) Chữa bài tập chương 4 Chương 5: Chuẩn mực về kết thúc kiểm toán 5.1. Các chuẩn mực về báo cáo kiểm toán 5.1.1. Hình thành ý kiến kiểm toán và BCKiT về BCTC (VSA 700) 5.1.2. Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần (VSA 705) 5.1.3. Đoạn vấn đề cần nhấn mạnh và vấn đề khác trong báo cáo của KTVĐL (VSA 706)	1	1	1		5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn, Kiểm tra, đánh giá, Giải quyết vấn đề.	Ở nhà: SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 5.1.1 đến 5.1.3 và ôn tập lại các nội dung đã học. (2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam Ở lớp:

									Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.
Buổi 11	<p>Chương 5: Chuẩn mực về kết thúc kiểm toán</p> <p>5.2. Trao đổi với BQT và BGD DN được kiểm toán</p> <p>5.2.1. Trao đổi các vấn đề quan trọng phát sinh khi kiểm toán với BQT đơn vị được kiểm toán (VSA 260)</p> <p>5.2.2. Trao đổi về những khiếm khuyết trong KSNB với BQT và BGD đơn vị được kiểm toán (VSA 265)</p> <p>+ Bài tập chương 5</p> <p>+ Giao bài tập thảo luận nhóm trên cơ sở lý thuyết và tình huống của CMKitVN.</p>	2	1			5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Thuyết giảng, Phát vấn, Giải quyết vấn đề.	<p>Ở nhà:</p> <p>SV đọc và nghiên cứu nội dung bài học các mục từ 5.2.1 đến 5.2.2.</p> <p>(2)</p> <p>Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p> <p>Ở lớp:</p> <p>Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV.</p>
Buổi 12	<p>Thảo luận nhóm</p> <p>Thảo luận các nội dung lý thuyết và xử lý tình huống thực tế</p> <p>Tổng kết HP Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán</p>	1			2	5	CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Tổ chức học tập theo nhóm, Thuyết giảng.	<p>Ở nhà:</p> <p>(1)</p> <p>Chuẩn bị bài và thảo luận theo nhóm, theo đề tài được giao</p>

									(2) Tham khảo Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, tham gia thảo luận nhóm.
	Tổng	19	9	2	6	64			

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	

01 bài kiểm tra tự luận 50 phút giữa kỳ	30	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO 2.1	40% 60%
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút cuối kỳ		Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO 2.1, CLO 2.2	20% 30% 30%
Bài thi hết học phần: Tự luận					
Tự luận 90 phút	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO 2.1, CLO 2.2	20% 40% 20%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> – Nội dung đủ, trả lời đúng 100% các yêu cầu nội dung của yêu cầu. – Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. – Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A	85, - 10
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 70-80% câu hỏi: – Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. – Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Có khá nhiều lỗi chính tả. 	Mức B	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 50-60% câu hỏi: – Trình bày không rõ ý, chưa logic. – Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9
<ul style="list-style-type: none"> – Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. – Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. – Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. – Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. – Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
<ul style="list-style-type: none"> – Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

9.3.2 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt trên 90% số tiết học – Tham gia tích cực thảo luận trên lớp 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10

– Ý thức, thái độ học tập tốt		
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học – Có tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học – Ít tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập chưa cao	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
– Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học – Không tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
– Tham gia học tập trên lớp dưới 80% số tiết học	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

Viện trưởng

Trưởng Bộ môn

Người soạn đề cương





TS. Hoàng Văn Tường

TS. Hoàng Văn Tường

ThS. Đậu Ngọc Châu